

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 15-01-2025

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoàng Yên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Nhiêu Phong

2/ Ông Đoàn Tấn Tiên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện C.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Chí Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2024/TLST-DS ngày 04-11-2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Mai Thị M, sinh ngày 18/9/1965; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phước Tân 3, xã Phan, Huyện C, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của bà M: Bà Nguyễn Thị Long, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường 4, thành phố T, tỉnh T – Là người đại diện theo uỷ quyền (hợp đồng uỷ quyền số 003054, quyền số 07/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2024)

*Bị đơn:* Bà Võ Thị Kiều D, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ 1, xã Suối Đá, Huyện C, tỉnh T;

**NỘI D VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện 20 tháng 5 năm 2024, lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Long trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Ngày 09/5/2023 (ÂL) bà D có hỏi vay của bà Trần Thị Mai là chị của bà Mai Thị M nhưng do bà Mai chuẩn bị đi nước ngoài nên bà Mai có hỏi bà M cho bà D vay tiền, bà M đồng ý nên bà M có đưa cho bà Mai số tiền 100.000.000 đồng và bà Mai là người trực tiếp đưa tiền cho bà D. Đến ngày 10/5/2023 (ÂL) bà Mai và bà M có đến nhà gặp bà D xác nhận việc vay tiền, hai bên thống nhất mỗi ngày góp 2.000.000 đồng trong thời gian 51 ngày. Bà D đã góp cho bà M từ ngày 10/5/2023 (ÂL) đến ngày 28/5/2023 (AL) bà D nhưng chỉ góp 6 ngày được số tiền 12.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Hiện bà D còn nợ bà M 45 ngày tổng số tiền 90.000.000 đồng. Bà M đã nhiều lần yêu cầu bà D trả tiền nhưng bà D không thực hiện nên bà M khởi kiện. Do là vay trả góp hằng ngày nên bà M không yêu cầu bà D ghi giấy nhận nợ chỉ có nhắn tin qua Facebook của bà D.

Việc bà D cho rằng bà D việc góp tiền là tiền lãi của 700.000.000 đồng của bà Mai nhưng bà D lại cho rằng vay tiền bà Mai việc cứ 100.000.000 đồng thì tiền lãi mỗi ngày 400.000 đồng thì số tiền vay 700.000.000 đồng thì tiền lãi mỗi ngày phải hơn 2.000.000 đồng, do đó số tiền 2.000.000 đồng không phải là tiền lãi như lời trình bày của bà D. Lý do bà D không tiếp tục đóng tiền cho bà M là do bà D sang quán cho con gái nên không có tiền đóng cho bà M chứ không phải do hai bên phát sinh tranh chấp như bà D trình bày. Mặc khác, bà D vẫn đang đóng lãi đều đặn cho cho bà Mai nên bà M mới cho bà D vay tiền.

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của bà M yêu cầu bà D trả số tiền 90.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 09/5/2023 (ÂL) cho đến ngày xét xử.

*\* Lời trình bày của bà Võ Thị Kiều D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Bà D xác định không có vay tiền hay chơi hụi gì của bà Mai Thị M. Trước đây bà có vay tiền của bà Trần Thị Mai là chị ruột của bà M số tiền 700.000.000 đồng nên khi bà Mai đi nước ngoài có kêu bà M đến nhà bà để gom tiền lãi dùm cho bà Mai mỗi ngày 2.000.000 đồng, bà D có đóng được vài ngày cho bà M thì con của bà D biết được sự việc có xin bớt tiền lãi nhưng do bà Mai không chịu nên hai bên phát sinh tranh chấp nên bà không tiếp tục đóng lãi cho bà M nữa và sự việc đã được giải quyết bằng Bản án số 375/2024/DS-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T buộc bà D trả cho bà Mai số tiền 700.000.000 đồng. Do đó, bà D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M.

*\* Lời trình bày của người làm chứng – bà Trần Thị Mai thể hiện:*

Bà có biết việc bà D vay của bà M số tiền 100.000.000 đồng góp 51 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng vì bà người lấy tiền của bà M để cho bà D vay và bà có đi gom tiền cho bà M nhưng đến khi bà D bán nhà đất nhưng không trả tiền cho bà M nên bà mới nói bà M tự đi gom vì bà sợ bà M yêu cầu bà trả tiền. Bà D cũng đồng ý góp cho bà M.

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện C phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị M đối với bà Võ Thị Kiều D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

- Về án phí: Bà M phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ 1, xã Suối Đá, Huyện C căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân Huyện C giải quyết vụ án là có căn cứ.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Mai Thị M yêu cầu bà Võ Thị Kiều D trả số tiền vay nên phát sinh tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội D vụ án: Bà M cho rằng có cho bà D vay số tiền 100.000.000 đồng ngày 09/5/2023 (ÂL) nhưng không có viết giấy nhận nợ do hai bên thoả thuận hình thức trả góp hằng ngày 2.000.000 đồng thời gian góp 51 ngày. Nhưng do bà D góp từ ngày 10/5/2023 đến ngày 28/5/2023 chỉ được 06 ngày nên còn nợ lại 45 ngày. Do đó, bà M yêu cầu bà D trả số tiền 90.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu của bà M thấy rằng: Bà M cho rằng có cho bà D vay số tiền 100.000.000 đồng nhưng không cho bà D viết giấy nhận nợ, bà M chỉ cung cấp giấy theo dõi nội D “*hụi 2 triệu từ 10 đến 18/5 âm thiếu 6 ngày*” (BL 49) bà M xác định đây là giấy theo dõi do bà M tự theo dõi. Ngoài ra, bà M cũng có cung cấp tin nhắn tên Facebook của D tên KieuD với nội D “*2 triệu góp được 6 ngày*” (BL 08). Từ những chứng cứ bà M

cung cấp có thể xác định giữa bà M và bà D có việc giao dịch mỗi ngày 2.000.000 đồng nhưng các giấy theo dõi này không có chữ ký, chữ viết hay sự đồng ý chót số tiền nợ của bà D.

[2.2] Bà D xác định số tiền 2.000.000 đồng góp mỗi ngày cho bà M là tiền lãi của số tiền vay 700.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ, tại Bản án số 375/2024/DS-PT ngày 14/8/2024 của Toà án nhân dân tỉnh T cũng xác định bà D có nợ bà Mai số tiền 700.000.000 đồng tiền ngày 01/5/2023 (AL) là phù hợp với lời trình bày của bà D, cũng như các tin nhắn của bà Mai nhắn cho bà D về việc mỗi ngày tăng lên 2.000.000 đồng. Mặc khác, việc bà M cho rằng bà Mai là người lấy tiền của bà cho bà D vay là không phù hợp với thực tế bởi tại thời điểm ngày 09/5/2023 bà D đã nợ của bà Mai 700.000.000 đồng thì không thể có việc bà M tiếp tục cho bà D vay tiền.

Từ những phân tích trên cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có căn cứ chứng minh bà D có vay tiền của bà M. Do đó, việc bà M yêu cầu bà D trả số tiền 90.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện C, tỉnh T.

[4] Về án phí: bà M phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị M đối với bà Võ Thị Kiều D về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Bà M phải chịu 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Khấu trừ số tiền 2.453.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn) đồng bà M đã nộp theo biên lai thu số 0008251 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện C, tỉnh T. Bà M phải nộp 2.047.000 (hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.

3. Án dân sự được xét xử công khai báo cho các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND H.DMC;
- Chi cục THADS H.DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

***Lê Thị Hoàng Yến***